



HỆ THỐNG BẢNG GIÁ DỊCH VỤ CHUYỂN PHÁT NHANH TRONG NƯỚC

(Bảng giá áp dụng từ ngày 01/06/2023 từ HCM đi)

Ban hành theo quyết định số: 05/QĐ-MPI/2023 ngày 01/06/2023 của Giám Đốc công ty cổ phần Morning Post(mpl)

www.mpllogistics.com.vn

Đơn vị : VND

I. BẢNG GIÁ CƯỚC DỊCH VỤ CHUYỂN PHÁT NHANH TRONG NƯỚC

NÁC KHỐI LƯỢNG (Gram)	Nội Tỉnh	Đà Nẵng - Huế	Hà Nội	Đến 100km	Đến 300km	Trên 300 - 950Km	Trên 950Km
Đến 50 g	8,000	9,000	10,000	8,000	8,500	10,500	11,000
Trên 50 g - 100 g	9,000	13,500	14,300	11,800	12,500	15,300	15,800
Trên 100 g - 250 g	10,000	22,500	23,200	18,500	19,200	25,800	27,200
Trên 250 g - 500 g	12,500	29,000	31,500	24,900	26,300	33,400	35,300
Trên 500 g - 1,000 g	16,000	42,900	43,800	34,200	35,000	46,700	48,600
Trên 1,000 g - 1,500 g	19,000	54,800	55,900	41,500	43,800	57,400	60,500
Trên 1,500 g - 2,000 g	21,000	65,100	66,500	49,500	54,700	68,500	70,500
Mỗi 500gram tiếp theo	1,950	8,500	9,500	3,950	5,100	11,550	12,500
Thời gian	8h - 12h	12h - 24h	12h - 24h	12h - 24h	12h - 24h	12h - 36h	24h - 36h

VÙNG TRẢ HÀNG

Đến 100Km: Bình Dương, Đồng Nai, Long An

Đến 300Km: An Giang, Bạc Liêu, Vũng Tàu, Bến Tre, Bình Thuận, Cần Thơ, Đồng Tháp, Kiên Giang,

Sóc Trăng, Tây Ninh, Tiền Giang, Vĩnh Long, Trà Vinh, Bình Phước.

Trên 300 - 950Km: Bình Định, Cà Mau, Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai, Kon Tum, Lâm Đồng, Ninh Thuận, Phú Yên, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Khánh Hòa, Hậu Giang.

Trên 950Km: Bắc Cạn, Bắc Giang, Bắc Ninh, Cao Bằng, Hà Giang, Hà Nam, Hà Tĩnh, Hải Dương, Hải Phòng, Hưng Yên, Hòa Bình, Lào Cai, Lai Châu, Lạng Sơn, Nam Định, Nghệ An, Ninh Bình, Phú Thọ, Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Ninh, Sơn La, Thái Bình, Thái Nguyên, Thanh Hóa, Tuyên Quang, Vĩnh Phúc, Yên Bái, Điện Biên.

II. BẢNG GIÁ CƯỚC DỊCH VỤ CHUYỂN PHÁT HÒA TỐC HẸN GIỜ

NÁC KHỐI LƯỢNG (Gram)	Nội Tỉnh	Đồng Nai Bình Dương	Cần Thơ	Nha Trang	Đà Nẵng Huế	Hà Nội	Hải Phòng
Đến 50	45,200	56,500	67,800	71,200	118,650	129,950	141,250
Trên 50 - 100	56,500	62,150	73,450	76,850	135,600	146,900	158,200
Trên 100 - 250	58,800	72,350	82,500	85,900	169,500	184,190	197,750
Trên 250 - 500	63,300	79,100	91,550	96,050	186,450	197,750	212,450
Trên 500 - 1,000	67,800	92,700	106,250	110,750	197,750	210,200	223,750
Trên 1,000 - 1,500	72,350	103,960	118,650	124,300	220,350	231,650	242,950
Trên 1,500 - 2,000	79,100	115,300	126,600	137,900	235,050	246,350	259,900
Mỗi 500gram tiếp theo	2,850	4,550	9,050	13,600	16,950	18,080	20,350

THỜI GIAN CAM KẾT

Nội Thành: Nhận trước 9h phát trước 12h cùng ngày, nhận trước 14h phát trước 17h cùng ngày.

Đồng Nai, Bình Dương: Nhận trước 11h phát trước 16h trong ngày, nhận trước 20h phát trước 9h ngày kế tiếp.

Cần Thơ, Nha Trang: Nhận trước 17h phát trước 9h ngày kế tiếp.

Đà Nẵng: Nhận trước 9h phát sau 15h cùng ngày, nhận trước 17h phát trước 9h ngày kế tiếp.

Huế: Nhận trước 9h phát sau 17h cùng ngày, nhận trước 17h phát trước 12h ngày kế tiếp.

Hà Nội: Nhận trước 9h phát sau 15h cùng ngày, nhận trước 17h phát trước 9h ngày kế tiếp

Hải Phòng: Nhận trước 9h phát trước 21h cùng ngày, nhận trước 17h phát trước 10h ngày kế tiếp.

* Lưu ý:

- Bảng giá trên tính bằng vnd/kg. Giá trên chưa bao gồm 25 % Phụ phí và 8% VAT.

- Vùng phát hàng là thị xã, trung tâm thành phố. Nếu vùng phát hàng là vùng sâu, vùng xa sẽ cộng thêm phí theo thỏa thuận và thời gian

- Đối với bưu phẩm, bưu kiện thuộc hàng thực phẩm, hàng đông lạnh, hàng vacxin, trái cây thì tính theo bảng giá dịch vụ hỏa tốc hẹn giờ.

- Hàng hóa chất, chất lỏng sẽ cộng thêm 20% trên tổng cước vận chuyển

- Hàng nguyên khối (nguyên kiện) từ 200kg trở lên sẽ thu thêm phí nâng hạ.

- Đối với bưu phẩm, bưu kiện thuộc hàng dễ vỡ thì Morning Post đề nghị đóng kiện gỗ và thu thêm phí. Tất cả hàng hóa nếu phải đóng kiện gỗ thì sẽ cộng thêm thời gian đóng kiện (tùy theo khối lượng hàng hóa).

- Công thức tính hàng cồng kềnh (cm) : (Dài x Rộng x Cao)/6000 = Số kg tương ứng (Áp dụng cho CPN & Hỏa tốc)

Địa chỉ: 169B Thích Quảng Đức ,F.4,Q.Phú Nhuận, TP.HCM.Hotline: 02822.110.118 ;0589.329.329

Web: www.mpllogistics.com.vn